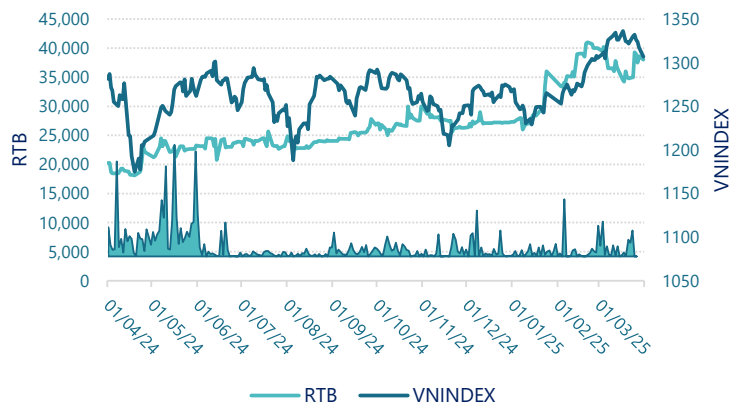


CTCP Cao su Tân Biên (UPCOM: RTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,108
SL cổ phiếu LH	87,945,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,845
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,342
P/E	11.1
EPS	3,426

DT thuần

Q1/25

203

tỷ VNĐ

QoQ: ▼178 | -46.7%

YoY: ▼82.0 | -28.7%

LN sau thuế

Q1/25

73.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼81.2 | -52.4%

YoY: ▼55.2 | -42.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

49.4%

+/- YoY: ▲ 16.3%

DT thuần

2024

1,182

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 230 | 24.1%

LN sau thuế

2024

484

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 240 | 98.6%

ROE

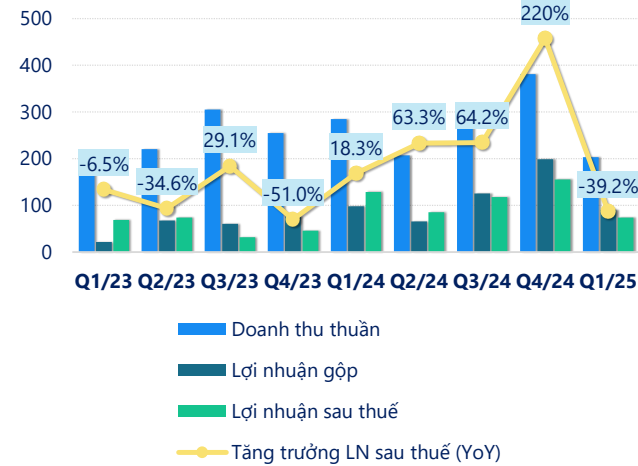
2024

14.7%

+/- YoY: ▲ 6.4%

tỷ VNĐ

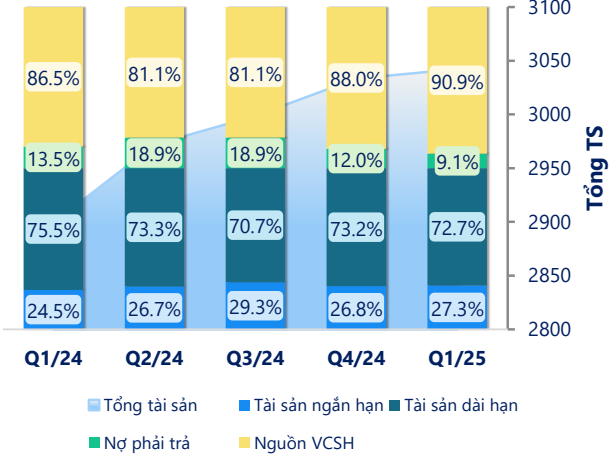
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

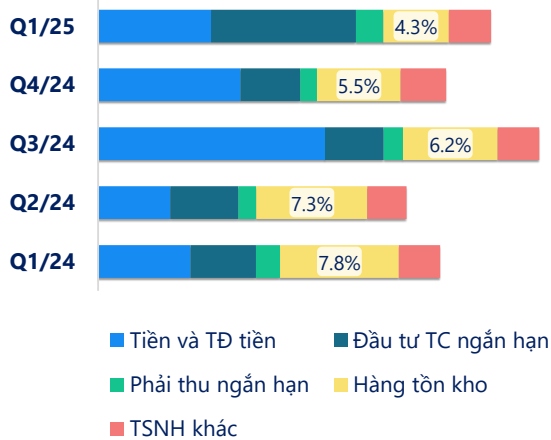
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



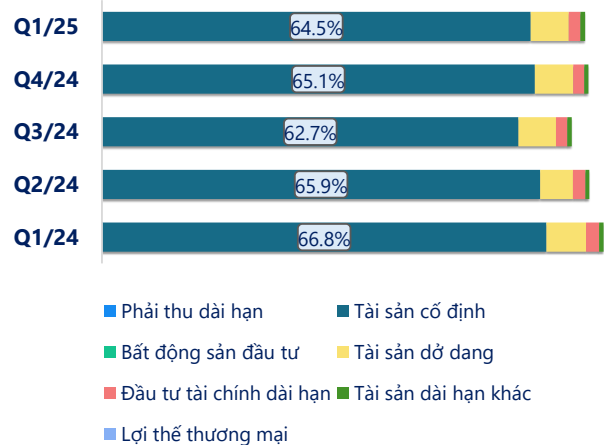
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

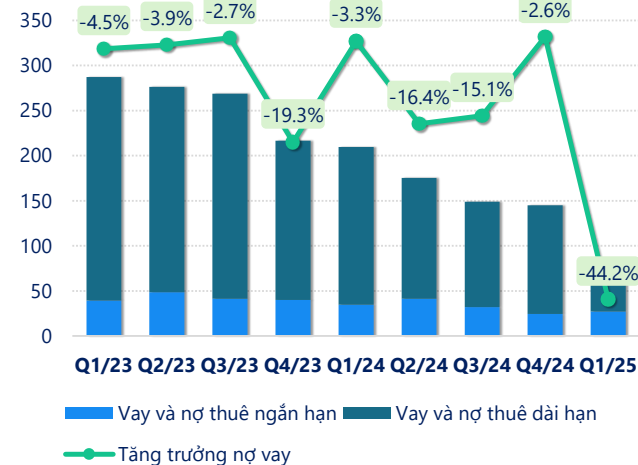
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

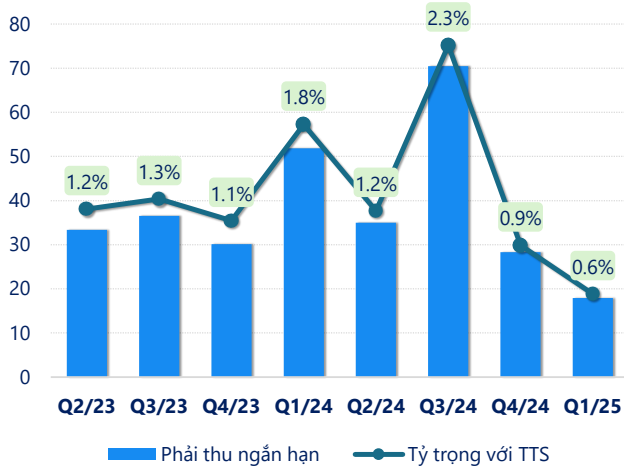
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



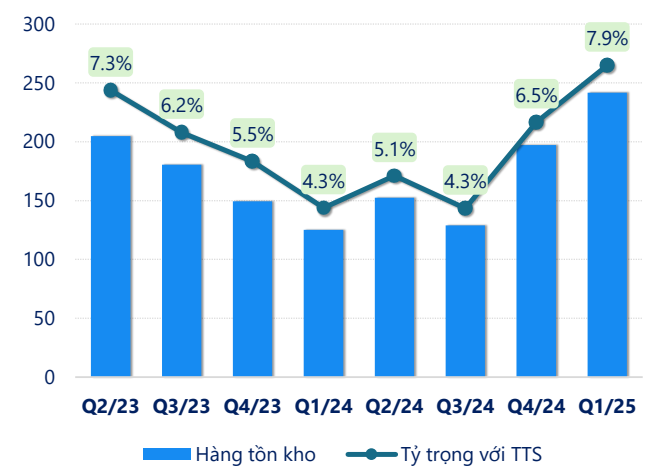
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


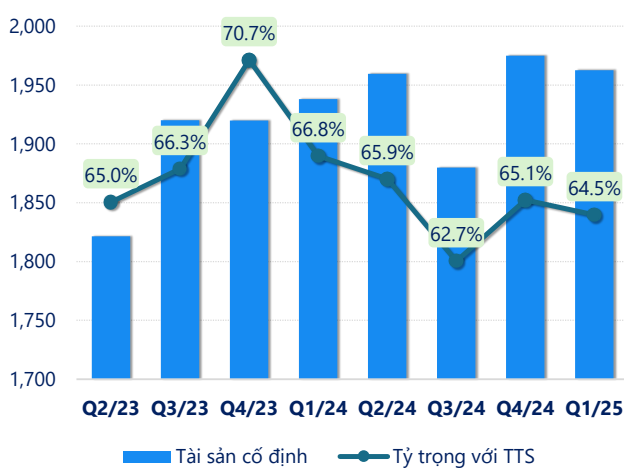
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


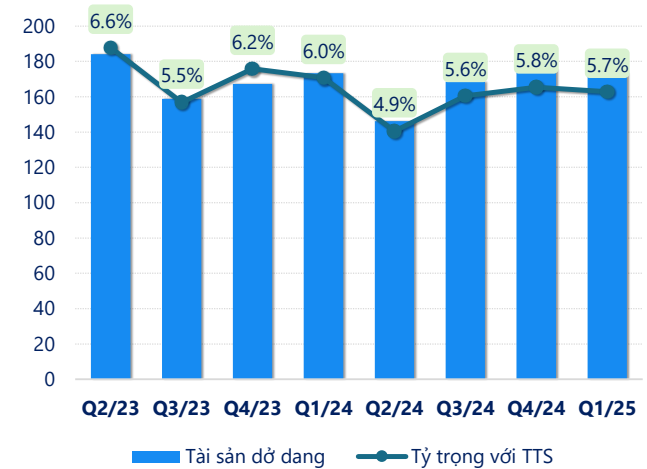
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

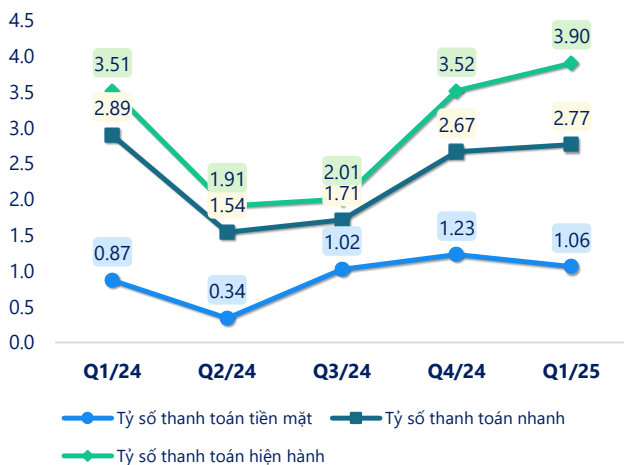
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

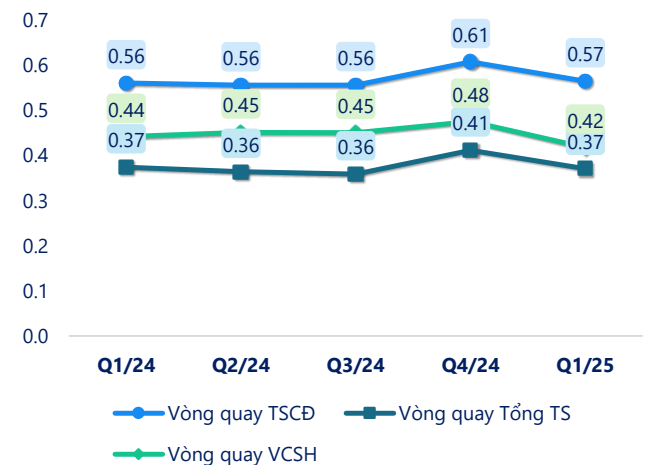
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2,899	2,972	2,999	3,033	3,042
Tài sản ngắn hạn	711	793	880	814	830
Tiền và tương đương tiền	176	141	448	284	226
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	371	148	224	261
Phải thu ngắn hạn	51.9	35.0	70.5	28.3	17.9
Hàng tồn kho	125	153	129	197	242
Tài sản ngắn hạn khác	80.9	94.3	84.0	79.9	83.2
Tài sản dài hạn	2,188	2,178	2,119	2,219	2,212
Phải thu dài hạn	0.22	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,938	1,960	1,880	1,975	1,963
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	173	146	169	176	173
Đầu tư tài chính dài hạn	57.5	55.4	51.4	50.2	53.1
Tài sản dài hạn khác	19.2	17.1	19.3	18.5	22.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	391	562	568	363	278
Nợ ngắn hạn	202	416	439	231	213
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.6	41.2	31.9	24.5	27.2
Phải trả người bán ngắn hạn	25.0	38.8	29.0	20.7	27.7
Nợ dài hạn	188	146	129	132	64.7
Vay và nợ thuê dài hạn	175	134	117	120	53.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,508	2,409	2,431	2,670	2,765
Vốn chủ sở hữu	2,508	2,409	2,431	2,670	2,765
Vốn điều lệ	879	879	879	879	879
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)